TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG
****

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 118/2019/HSST
Ngày : 23/8/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

+ *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa* : Ông HOÀNG TRÌNH

+ *Các Hội thẩm nhân dân*:

1/. Ông DƯƠNG HẢI LONG

2/. Ông TỪ HỒNG HẢI

- Thư ký phiên tòa: Ông TRẦN THANH TÀI - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông LÊ VĂN THẢO - Kiểm sát viên

Hôm nay, ngày 23 tháng 8 năm 2019. Tại Hội trường Ủy ban nhân dân Phường 7, thành phố Đà Lạt, Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 112/2019/HSST ngày 09 tháng 8 năm 2019; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/QĐ-HSST ngày 09 tháng 8 năm 2019 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **THẠCH PHƯỚC T.** Sinh ngày 11 tháng 9 năm 1981. Nơi sinh: Tây Ninh. Nơi ĐKNKTT: 70 - Đường T, khu phố H, thị trấn T, huyện Hòa Thành, Tây Ninh. Chỗ ở: 78 - Đường L, Phường T, thành phố Đà Lạt, Lâm Đồng (nhà trọ). Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ học vấn: Lớp 12/12. Con ông: Thạch Phước T1, sinh năm 1958; Con bà: Lê Thị Hồng X, sinh năm 1963. Hiện ở tại: 70 - Đường T, khu phố H, thị trấn T, huyện Hòa Thành, Tây Ninh. Vợ: Bùi Thị Bích T, sinh năm 1980 (đã ly hôn), chưa có con. Tiền án: 1/ Tại bản án số 17/HSST ngày 28/01/2002 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xử phạt 07 năm tù và phạt bổ sung 5.000.000 đồng về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/6/2008, nhưng chưa chấp hành phần hình phạt bổ sung. 2/ Tại bản án số 47/2014/HSST ngày 28/7/2014 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, Tây Ninh xử phạt 02 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/4/2016 nhưng chưa chấp hành xong phần bồi thường dân sự. Tiền sự: Không. Nhân thân: Tại Quyết định số 187/QĐ-XPHC ngày 27/10/2011 của Ủy ban nhân dân huyện Hòa Thành, Tây Ninh đưa vào cơ sở bắt buộc chữa bệnh thời gian 24 tháng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy". Chấp hành xong ngày 12/10/2013. Bị bắt ngày 12/4/2019. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đà Lạt, Lâm Đồng. Có mặt.

2/ Họ và tên: **LÂM THỊ HUỆ C.** Sinh ngày 23 tháng 3 năm 1983. Nơi sinh: Tây Ninh. Nơi ĐKNKTT: Khu phố 4, Phường 3, thành phố Tây Ninh, Tây Ninh. Chỗ ở: 78 - Đường L, Phường T, thành phố Đà Lạt, Lâm Đồng (nhà trọ). Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ học vấn: Lớp 12/12. Con ông: Lâm Dũng T (chết); Con bà: Nguyễn Thị N, sinh năm 1954. Hiện ở tại: Khu phố 4, Phường 3, thành phố Tây Ninh, Tây Ninh. Chồng: Wong Chee W (đã ly hôn), có 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2014. Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt ngày 12/4/2019. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đà Lạt, Lâm Đồng. Có mặt.

Người bị hại:

Anh Nguyễn Văn Minh T, sinh năm 1994. Hiện cư trú tại: 29 - Sào Nam, Phường 11, thành phố Đà Lạt, Lâm Đồng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thạch phước T và Lâm Thị Huệ C từ Tây Ninh lên thành phố Đà Lạt, Lâm Đồng làm thuê và sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2017. Khoảng 17 giờ ngày 11/4/2019, Thạch phước T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 70B1-813.51 chở Lâm Thị Huệ C đi ngang qua nhà số 5F - Đường X, Phường H, thành phố Đà Lạt, Lâm Đồng thì T nhìn thấy có 01 xe mô tô hiệu HonDa Air Blade màu trắng đang dựng phía bên kia đường, trên ổ khóa điện của xe vẫn còn cắm chìa khóa, không có người trông coi. T dừng xe và nói với C: "*Bên kia đường có xe Air Blade còn cắm chìa khóa, để anh qua lấy, em đi trước đi*." thì C đồng ý và điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 70B1-813.51 đi trước, còn T, sau khi xuống xe đã đi đến vị T để xe HonDa Air Blade, mở khóa, khởi động xe, chạy về hướng Bùi Thị Xuân - Nguyễn Văn Trỗi, sau đó gọi điện cho C, nói C đợi T ở đoạn đường gần cà phê Thanh Thủy trên đường Trần Quốc Toản, thành phố Đà Lạt, Lâm Đồng. Khi gặp nhau, T nói với C: " *Mang xe vừa trộm cắp được đến Bệnh viện Hoàn Mỹ Đà Lạt để cất giấu, chờ cơ hội sẽ bán lấy tiền cùng nhau tiêu xài*" thì C đồng ý. Khi chạy xuống đến Bệnh viện Hoàn Mỹ, T đưa xe vừa trộm cắp được cho C để C đem vào bãi gửi xe của Bệnh viện Hoàn Mỹ gửi, sau đó cả hai đi về phòng trọ. Đến khoảng 07 giờ ngày 12/4/2019, T chở C quay lại Bệnh viện Hoàn Mỹ để T vào lấy xe đem đi bán thì bị Công an thành phố Đà Lạt, Lâm Đồng bắt giữ. Tại Cơ quan điều tra, Thạch phước T và Lâm Thị Huệ C đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Kết luận định giá ngày 17/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đà Lạt kết luận: Tài sản của anh Nguyễn Văn Minh T bị chiếm đoạt là 01 xe mô tô hiệu HonDa Air Blade, biển kiểm soát 49B1-513.62, trị giá 33.00000.000 đồng. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu hồi xe và trả lại cho anh Nguyễn Văn Minh T, anh T không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người bị hại không có ai thắc mắc, khiếu nại gì đối với Kết luận của Hội đồng định giá tài sản nêu trên.

Tại Cáo trạng số 113/CT-VKS ngày 07/8/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt truy tố bị cáo Thạch phước T về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 và truy tố bị cáo Lâm Thị Huệ C về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo Thạch phước T khai nhận vào chiều ngày 11/4/2019 bị cáo đã có hành vi trộm cắp tài sản là 01 xe mô tô trị giá 33.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn Minh T với mục đích để bán lấy tiền sử dụng cá nhân. Bị cáo Lâm Thị Huệ C khai vào chiều ngày 11/4/2019, sau khi Thạch phước T đề xuất trộm cắp xe mô tô, bị cáo đã đồng ý chạy xe của mình đi trước để T trực tiếp lấy trộm xe, sau đó bị cáo đã cùng T đem xe đi gửi và ngày 12/4/2019 đã cùng T đi lấy xe để đem bán thì bị bắt. Các bị cáo thừa nhận đã thực hiện việc phạm tội với các hành vi cụ thể như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu là đúng, cả hai bị cáo đều không thắc mắc hay khiếu nại gì về nội dung bản Cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, Lâm Đồng giữ quyền công tố luận tội và tranh luận như sau: Tại phiên tòa các bị cáo Thạch phước T và Lâm Thị Huệ C đã khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, lời khai của người bị hại, không có nội dung gì thay đổi, hành vi của các bị cáo đồng tình với nhau để lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác đã có đủ các yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", với trị giá tài sản chiếm đoạt là 33.000.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã có đủ các yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Do đó Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy

tố đối với cả hai bị cáo và đề nghị áp dụng điểm g khoản 2 điều 173; điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với Thạch phước T; Áp dụng khoản 1 điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Lâm Thị Huệ C. Xử phạt bị cáo Thạch phước T từ 36 đến 42 tháng tù; Xử phạt bị cáo Lâm Thị Huệ C từ 06 đến 09 tháng tù. Phần bồi thường: Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ tài sản và đã trả lại cho người bị mất. Đến nay người bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét. Về vật chứng của vụ án, các vật chứng thu giữ trong quá trình điều tra vụ án gồm: 01 xe mô tô hiệu HonDa Air Blade biển kiểm soát 49B1- 513.62 và 01 xe mô tô hiệu HonDa Dream biển kiểm soát 70B1-813.51 cùng Giấy chứng nhận đăng ký xe, Cơ quan điều tra đã có Quyết định xử lý: Trả lại cho chủ sở hữu, nên không xem xét để giải quyết tiếp; Phần vật chứng còn lại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và xử lý theo qui định của pháp luật.

Các bị cáo không có tranh luận gì với Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố và chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt, Lâm Đồng và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, Lâm Đồng và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục qui định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo và người bị hại đều không có ý kiến hoặc khiếu nại nào về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được tiến hành hợp pháp.

Về hành vi phạm tội của bị cáo Thạch phước T và Lâm Thị Huệ C:

Bị cáo Thạch phước T là người đã trưởng thành, có đầy đủ nhận thức, bị cáo biết rất rõ việc lợi dụng người bị hại để xe mô tô ở lề đường vào ban ngày nhưng không khóa xe, chìa khóa xe vẫn để tại xe nhưng không có người trông coi, đã lén lút để chiếm đoạt tài sản người bị hại rồi tẩu thoát là hành vi trái pháp luật, xâm hại trái pháp luật đến quyền sở hữu tài sản của người khác, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

Hành vi của bị cáo Lâm Thị Huệ C tuy không cùng bị cáo T lấy xe, nhưng bị cáo là người biết rõ mục đích phạm tội của T, có hành vi đem xe của T đi trước và sau đó cùng T đem xe do T đã lấy trộm đi gửi và cùng T đi lấy xe để bán, là đồng phạm tích cực với bị cáo T.

Hành vi của các bị cáo đã thực hiện là hành vi nguy hiểm cho xã hội, trái pháp luật và gây mất trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Căn cứ lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra vụ án. Có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Thạch phước T và Lâm Thị Huệ C đã phạm tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm đối với các bị cáo được qui định tại điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 như Cáo trạng truy tố và kết luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Về tình tiết định khung hình phạt:

Hành vi của bị cáo Thạch phước T thực hiện khi bị cáo đã có 02 tiền án, chưa được xóa án tích đã vi phạm vào tình tiết định khung tăng nặng là Tái phạm nguy hiểm, được qui định tại điểm g khoản 2 điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 nên bị cáo T phải bị xét xử theo điểm g khoản 2 điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Hành vi của bị cáo Lâm Thị Huệ C không vi phạm vào các tình tiết định khung tăng nặng nào tại điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 nên bị cáo C chỉ bị xét xử theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Bị cáo Thạch phước T và bị cáo Lâm Thị Huệ C không có tình tiết tăng nặng nào theo qui định tại điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Sau khi bị phát hiện, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tài sản đã được thu hồi. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự qui định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với cả hai bị cáo.

Bị cáo Lâm Thị Huệ C phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, ông nội của bị cáo C là người có công với cách mạng, được tặng thưởng Huy chương và nhiều Bằng khen. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được qui định tại điểm i khoản 1 và khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, cần áp dụng thêm để giảm nhẹ cho bị cáo C một phần hình phạt.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ tài sản và trả lại cho người bị hại là anh Nguyễn Văn Minh T. Đến nay người bị hại không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không xem xét để giải quyết phần trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo trong bản án này.

Về xử lý vật chứng:

Các loại vật chứng thu giữ trong quá trình điều tra vụ án gồm có:

+ 01 xe mô tô hiệu HonDa Air Blade biển kiểm soát 49B1-513.62, Cơ quan điều tra đã quyết định xử lý bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu là anh Nguyễn Văn Minh T và 01 xe mô tô hiệu HonDa Dream biển kiểm soát 70B1-813.51 cùng Giấy chứng nhận đăng ký xe Cơ quan điều tra đã quyết định xử lý bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu là bà Lê Thị Hồng Xuân, mẹ của bị cáo T nên không xem xét để xử lý tiếp trong bản án này.

+ 01 điện thoại di động hiệu Sony Z2, vỏ màu trắng; số tiền 1.100.000 đồng tiền mặt; 01 Thẻ bảo hiểm y tế; 01 Thẻ ATM Ngân hàng Shinhanbank; 01 Giấy phép lái xe; 01 Thẻ ATM Ngân hàng Agribank số 9704050777136198; 02 Thẻ ATM Ngân hàng Sacombank (số 970403410637982 và số 19704035678066719); 01 căn cước công dân, tất cả đều mang tên Lâm Thị Huệ C; 02 nhẫn kim loại màu vàng; 02 đôi bông tai kim loại màu vàng và 01 dây chuyền kim loại màu vàng (đã được niêm phong) thu giữ của Lâm Thị Huệ C.

+ Một bóp da màu đen; 01 căn cước công dân mang tên Thạch phước T; 01 Giấy phép lái xe mang tên Thạch phước T và 01 Thẻ điều trị M mang tên Thạch phước T, thu giữ của Thạch phước T.

Các tài sản và giấy tờ trên là giấy tờ tùy thân và tài sản riêng của các bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho các bị cáo.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo qui định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] . Tuyên bố các bị cáo Thạch phước T và Lâm Thị Huệ C đều phạm tội "Trộm cắp tài sản".

[2] . Áp dụng điểm g khoản 2 điều 173; điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo: Thạch phước T 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/4/2019.

[3] . Áp dụng khoản 1 điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo: Lâm Thị Huệ C 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/4/2019.

[4] . Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự và điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

4.1 - Trả lại cho bị cáo Thạch phước T: 01 bóp da màu đen; 01 Căn cước công dân; 01 Giấy phép lái xe; 01 Thẻ điều trị M số 550 (Các giấy tờ trên đều mang tên Thạch phước T).

4.2 - Trả lại cho bị cáo Lâm Thị Huệ C: 01 Căn cước công dân; 01 Giấy phép lái xe; 01 Thẻ bảo hiểm y tế; 02 Thẻ ATM Ngân hàng Sacombank số 9704034106375982 và số 9704035678066719; 01 Thẻ ATM Ngân hàng Shinhanbank (Tất cả giấy tờ và Thẻ đều mang tên Lâm Thị Huệ C); 01 điện thoại di động hiệu Sony Z2, vỏ màu trắng (đã qua sử dụng, mặt kính sau bị nứt); 1.100.000 (Một triệu một trăm ngàn) đồng tiền mặt và 01 phong bì niêm phong, bên trong có: 01 nhẫn kim loại màu vàng dạng trơn, không hoa văn; 01 nhẫn kim loại màu vàng, trang T hình thỏi vàng; 02 đôi bông tai kim loại màu vàng (một đôi có đính 03 hột đá trắng và 01 đôi có đính 01 hột đá trắng); 01 dây chuyền kim loại màu vàng, dạng xích, có mặt tượng phật màu xanh lục (Các tài sản kim loại màu vàng đều không xác định trọng lượng).

(*Các vật chứng có đặc điểm cụ thể theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/8/2019 giữa Công an thành phố Đà Lạt và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt và Biên lai thu tiền số 0001280 ngày 09/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt).*

[5] . Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về lệ phí, án phí Tòa án, buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[6] . Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo và người bị hại có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng;
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND thành phố Đà Lạt;
- Công an thành phố Đà Lạt;
- Thi hành án thành phố Đà Lạt;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Bộ phận theo dõi THA phạt tù;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Trình